

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:17/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06-4-2018
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Ông Trần Đức Tụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly -Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm Ckhai vụ án thụ lý số 250/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn 11, xã C, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đào Trọng C, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn 11, xã C, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Đào Trọng C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 10-01-2004. Anh chị kết hôn trong hoàn cảnh đã có con chung với nhau. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2008 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh C không quan tâm trách nhiệm đến gia đình, chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh C không thay đổi. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không đạt kết quả. Từ tháng 8/2015 đến nay, anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn chồng không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Trọng C.

Về con chung: Chị và anh Đào Trọng C có 02 con chung là Đào Thị Diệu L, sinh ngày 19-10-2003 và Đào Thị Thu H, sinh ngày 04-12-2007. Hiện nay cả hai con chung đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được chị trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị xin tự giải quyết với anh C .

Về tài sản: Chị và anh Đào Trọng C không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đào Trọng C hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 11, xã C, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Anh C đã được thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên anh C không nộp bản tự khai và cố tình không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, xác minh nơi cư trú của anh Đào Trọng C, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh C qua chính quyền địa phương xã C, qua người làm chứng - bà Đỗ Thị N , sinh năm 1958, trú tại Thôn 11, xã C, huyện VB, thành phố Hải Phòng, là mẹ anh Đào Trọng C thì được biết: Chị M và anh C xây dựng gia đình với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện VB, Hải Phòng vào ngày 10-01-2004. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận được thời gian đầu và có 02 con chung. Mâu thuẫn vợ chồng anh C và chị M phát sinh từ năm 2015 do bất đồng quan điểm dẫn đến bất hòa. Từ năm 2015 đến nay, anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi. Anh C làm nghề tự do, lúc ở địa phương, lúc đi làm ăn xa. Về con chung: Anh C và chị M có 02 con chung là Đào Thị Diệu L, sinh ngày 19-10-2003 và Đào Thị Thu H, sinh ngày 04-12-2007, hiện đang ở với chị M. Về tài sản: địa phương và người làm chứng đều không nắm được.

Tại phiên toà chị M vẫn giữ nguyên lời trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Trọng C. Về con chung: Chị đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự giải quyết với anh C . Về tài sản chị và anh C không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, việc xét xử vắng mặt bị đơn cũng như các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ, tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa; bị đơn không khai báo, tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Tuy nhiên, việc bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Đào Trọng C. Về con chung: Giao con chung Đào Thị Diệu L, sinh ngày 19-10-2003 và Đào Thị Thu H, sinh ngày 04-12-2007 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chị M tự giải quyết với anh C nên không đặt ra để giải quyết. Về tài sản: Chị M xác nhận chị và anh C không có tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn anh Đào Trọng C đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh C vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đào Trọng C.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Đào Trọng C kết hôn ngày 10-01-2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện VB, thành phố Hải Phòng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị

chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn bất đồng quan điểm dẫn đến bất hòa. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ năm 2015 đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị M nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Công. Anh C vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh C không khai báo, không tham gia phiên họp, hòa giải, phiên tòa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M, anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của chị Nguyễn Thị M xin ly hôn với anh Đào Trọng C phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Đào Trọng C có hai con chung là Đào Thị Diệu L, sinh ngày 19-10-2003 và Đào Thị Thu H, sinh ngày 04-12-2007. Khi ly hôn, chị M đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu, đề nghị nuôi con của chị M, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ vào điều kiện nuôi con của chị M và anh C thì thấy: Chị M là giáo viên có nơi ở và thu nhập ổn định, anh C lúc ở nhà, lúc đi làm ăn ở xa. Mặt khác hai con chung của anh chị đều có nguyện vọng xin được ở với chị M. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cần chấp nhận yêu cầu của chị M giao hai con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chị M xin tự giải quyết với anh C nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[5] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị M xác nhận chị và anh C không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Đào Trọng C.
2. Về nuôi con chung: Xử giao con chung Đào Thị Diệu L, sinh ngày 19-10-2003 và Đào Thị Thu H, sinh ngày 04-12-2007 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị M tự giải quyết với anh C .

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị M và anh Đào Trọng C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị M đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0015789 ngày 20-10-2017. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo lên toà án cấp trên để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện VB;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- UBND xã C, huyện VB thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền